

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;
Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;
Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc
Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí
Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 99/2020/TLST-HNGĐ ngày
14 tháng 5 năm 2020, về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những
người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1984; Địa chỉ: Số 421/23, đường N, khóm N,
phường C, thành phố C, tỉnh Cà Mau;

- Ông Lê Hồng T, sinh năm 1982; Địa chỉ: Số 421/23, đường N, khóm N,
phường C, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Tòa án hòa giải đoàn tụ không thành, các đương sự đã thỏa thuận được với
nhau toàn bộ yêu cầu về việc thuận tình ly hôn, cụ thể:

[1] Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị C và ông Lê Hồng T thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Ông T bà C thống nhất thỏa thuận giao con chung tên Lê
Nguyễn Minh A, sinh ngày 30/4/2011 cho bà C chăm sóc nuôi dưỡng, ông T cấp
dưỡng nuôi con chung 3.000.000 đồng/tháng. Cấp dưỡng mỗi năm một lần vào
ngày 01 tháng 6 hàng năm, kể từ 01/6/2021 đến khi con chung đủ 18 tuổi. Tiền cấp
dưỡng năm 2020 ông Thanh đã giao cho bà Chí xong vào ngày 01/6/2020. Ông Lê
Hồng T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

*Kể từ ngày bà Nguyễn Thị C có đơn yêu cầu thi hành án ông Lê Hồng T,
không tự nguyện thi hành xong khoản tiền cấp dưỡng trên, thì hàng tháng còn phải
chịu thêm khoản lãi phát sinh theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân
sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.*

[3] Tài sản chung: Bà Nguyễn Thị C và ông Lê Hồng T tự thỏa thuận nên
không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị C và ông Lê Hồng T xác định không có
nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Lệ phí việc dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình, bà Nguyễn Thị C và
ông Lê Hồng T phải nộp số tiền 300.000 đồng. Ngày 13/5/2020, Bà Nguyễn Thị C

và ông Lê Hồng T đã nộp số tiền tạm ứng lệ phí là 300.000 đồng tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cà Mau theo biên lai số 0001797 được chuyển thu.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hoà giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị C và ông Lê Hồng T thuận tình ly hôn.

Về con chung: Bà Nguyễn Thị Chí và ông Lê Hồng T thống nhất thỏa thuận giao con chung tên Lê Nguyễn Minh A, sinh ngày 30/4/2011 cho bà C chăm sóc nuôi dưỡng, ông T cấp dưỡng nuôi con chung 3.000.000 đồng/tháng. Cấp dưỡng mỗi năm một lần vào ngày 01 tháng 6 hàng năm, kể từ 01/6/2021 đến khi con chung đủ 18 tuổi. Tiền cấp dưỡng năm 2020 ông T đã giao cho bà C xong vào ngày 01/6/2020. Ông Lê Hồng T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về Tài sản chung: Bà Nguyễn Thị C và ông Lê Hồng T tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kể từ ngày bà Nguyễn Thị C có đơn yêu cầu thi hành án ông Lê Hồng T, không tự nguyện thi hành xong khoản tiền cấp dưỡng trên, thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản lãi phát sinh theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị C và ông Lê Hồng T xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Lệ phí việc dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình, bà Nguyễn Thị C và ông Lê Hồng T thống nhất nộp số tiền 300.000đ (*ba trăm ngàn đồng*). Ngày 13/5/2020, bà Nguyễn Thị C và ông Lê Hồng T đã nộp số tiền tạm ứng lệ phí là 300.000đ (*ba trăm ngàn đồng*), tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cà Mau theo biên lai số 0001797 được chuyển thu.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND TP.Cà Mau;
- UBND Quận 9,
- TP. Hồ Chí Minh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Phan Thị Thu